

BẢNG THANH TOÁN TIỀN PHỤ CẤP THỦ THUẬT
THÁNG 10 NĂM 2017

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
1	Nguyễn Xuân Thanh	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500		Hồi Sức Sau Mổ
2	Phạm Hồng Thanh	Chính		-	2	75.000		-		-	75.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
4	Đào Hùng Hải	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
5	Nguyễn Thị Huệ	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
6	Nguyễn Tuyết Nhung	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
7	Phùng Thu Diệp	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
8	Trần Thanh Tuấn	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
9	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Chính		-	1	37.500	64	1.248.000	1	15.000	1.300.500		PK Mắt
10	Tạ Thị Nga	Chính		-	17	637.500	47	916.500	21	315.000	1.869.000		PK Mắt
11	Nguyễn Thị Phương	Chính		-	21	787.500	58	1.131.000	28	420.000	2.338.500		PK Mắt
12	Vũ Hải Yến	Chính		-	22	825.000	66	1.287.000	35	525.000	2.637.000		PK Mắt
13	Tạ Minh Hoàn	Chính		-	4	150.000	7	136.500	4	60.000	346.500		PK Mắt
14	Phan Thị Dung	Chính		-	3	112.500	8	156.000	2	30.000	298.500		PK Mắt
15	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Chính		-	3	112.500	69	1.345.500		-	1.458.000		Khoa Mắt
16	Vũ Hải Yến	Chính		-		-	4	78.000		-	78.000		Khoa Mắt
17	Tạ Minh Hoàn	Chính		-	1	37.500	53	1.033.500	3	45.000	1.116.000		Khoa Mắt

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
18	Nguyễn Thị Phương	Chính		-	12	450.000	194	3.783.000	20	300.000	4.533.000		Khoa Mắt
19	Phan Thị Dung	Chính		-	10	375.000	205	3.997.500	24	360.000	4.732.500		Khoa Mắt
20	Tạ Thị Nga	Chính		-	6	225.000	127	2.476.500	10	150.000	2.851.500		Khoa Mắt
21	Tào Hồng Hải	Chính		-		-	3	58.500		-	58.500		Pk Răng Hàm Mặt
22	Trần Cao Quyền	Chính		-	21	787.500	32	624.000	1	15.000	1.426.500		Pk Răng Hàm Mặt
23	Đinh Thị Phụng	Chính		-	9	337.500	4	78.000		-	415.500		Pk Răng Hàm Mặt
24	Hoàng Thị Giang	Chính		-		-	1	19.500		-	19.500		Pk Răng Hàm Mặt
25	Tào Hồng Hải	Chính		-	1	37.500	1	19.500		-	57.000		Khoa Răng Hàm Mặt
26	Trần Cao Quyền	Chính		-	9	337.500	1	19.500		-	357.000		Khoa Răng Hàm Mặt
37	Định Thị Phụng	Chính		-	4	150.000		-		-	150.000		Khoa Răng Hàm Mặt
28	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chính	2	168.000	6	225.000	1	19.500		-	412.500	2 ca TT loại ĐB, 1 ca TT	Pk Tai Mũi Họng
29	Lâm Ngọc Huyền	Chính		-		-	6	117.000	1	15.000	132.000		Pk Tai Mũi Họng
30	Vương Thùy Vân	Chính		-	31	1.162.500	195	3.802.500	29	435.000	5.400.000		Pk Tai Mũi Họng
31	Lưu Văn Kính	Chính	1	84.000	14	525.000	105	2.047.500	22	330.000	2.986.500		Pk Tai Mũi Họng
32	Nguyễn Quyết Tiến	Chính		-		-		-	5	75.000	75.000		Pk Tai Mũi Họng
33	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chính	6	504.000	437	16.387.500	104	2.028.000	199	2.985.000	21.904.500		Khoa Tai Mũi Họng
34	Hoàng Thị Sinh	Chính		-	2	75.000		-	99	1.485.000	1.560.000		Khoa Tai Mũi Họng
35	Nguyễn Quyết Tiến	Chính		-		-		-	7	105.000	105.000		Khoa Tai Mũi Họng
36	Lưu Văn Kính	Chính		-	159	5.962.500	37	721.500	103	1.545.000	8.229.000		Khoa Tai Mũi Họng
37	Vương Thùy Vân	Chính	1	84.000	49	1.837.500	10	195.000	34	510.000	2.626.500		Khoa Tai Mũi Họng
38	Xuân Văn Khánh	Chính		-		-	122	2.379.000	123	1.845.000	4.224.000		Khoa CDHA
39	Nguyễn Thị Hường	Chính		-	48	1.800.000	86	1.677.000		-	3.477.000		Khoa TDCN - NSDD

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
40	Nguyễn Xuân Sơn	Chính		-	4	150.000	4	78.000		-	228.000		Khoa TDCN - NSDD
41	Nguyễn Thị Phương Hà	Chính		-	37	1.387.500	174	3.393.000		-	4.780.500		Khoa TDCN - NSDD
42	Phạm Tuấn Anh	Chính		-	4	150.000	105	2.047.500		-	2.197.500		Khoa TDCN - NSDD
43	Phùng Thị Phương	Phụ		-	93	2.511.000	369	5.535.000		-	8.046.000		Khoa TDCN - NSDD
44	Nguyễn Xuân Nghĩa	Chính		-		-		-	48	720.000	720.000		Thăm Dò Chức Năng
45	Trần Văn Học	Chính		-		-		-	134	2.010.000	2.010.000		Thăm Dò Chức Năng
46	Trịnh Tiến Hùng	Chính		-		-		-	157	2.355.000	2.355.000		Thăm Dò Chức Năng
47	Phạm Tuấn Anh	Chính		-		-	78	1.521.000		-	1.521.000		Thăm Dò Chức Năng
48	Hứa Thúy Nga	Chính		-		-	17	331.500		-	331.500		Khoa HHTM
49	Nguyễn Kim Dung	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa HHTM
50	Ng Thị Huyền Trang B	Chính		-		-	217	4.231.500		-	4.231.500		Khoa HHTM
51	Ng Thị Huyền Trang A	Chính		-		-	8	156.000		-	156.000		Khoa HHTM
52	Đinh Thị Hà	Chính		-	1	37.500	56	1.092.000	215	3.225.000	4.354.500		Khoa Giải Phẫu Bệnh
53	Đỗ Thị Thủy	Chính		-		-	10	195.000		-	195.000		Khoa Sản
54	Đán Thị Hà	Chính		-		-	22	429.000		-	429.000		Khoa Sản
55	Nguyễn Thị Thập	Chính		-		-	25	487.500		-	487.500		Khoa Sản
56	Nguyễn Thị Nhi	Chính		-		-	12	234.000	3	45.000	279.000		Khoa Sản
57	Hoàng Thị Nhớ	Chính		-		-	12	234.000	5	75.000	309.000		Khoa Sản
58	Đặng Thị Ngân	Chính		-		-	13	253.500		-	253.500		Khoa Sản
59	Hoàng Thị Giang	Chính		-		-	7	136.500		-	136.500		Khoa Sản
60	Nguyễn Thị Liên	Chính		-		-	19	370.500	2	30.000	400.500		Khoa Sản
61	Phùng Thị Duyên	Chính		-		-	4	78.000	3	45.000	123.000		Khoa Sản

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
62	Nguyễn Thị Hạnh	Chính		-		-	18	351.000		-	351.000		Khoa Sản
63	Sin Thị Huyền	Chính		-	4	150.000	16	312.000		-	462.000		Khoa Sản
64	Lâm Kim Ngân	Chính		-		-	16	312.000		-	312.000		Khoa Sản
65	Bùi Mạnh Ngàn	Chính		-		-	4	78.000		-	78.000		Khoa Sản
66	Hà Thị Thanh Thủy	Chính		-		-	13	253.500	7	105.000	358.500		Khoa Sản
67	Hà Thị Kim Diễm	Chính		-	3	112.500		-		-	112.500		Khoa Sản
68	Nguyễn Thị Kim Liên	Chính	1	84.000	114	4.275.000		-		-	4.359.000		Khoa Nhi
69	Nguyễn Thị Thu Hà	Chính		-	12	450.000		-		-	450.000		Khoa Nhi
70	Nguyễn Thị Minh Trâm	Chính		-	10	375.000		-		-	375.000		Khoa Nhi
71	Lương Cao Đạt	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500		Khoa Nhi
72	Vũ Thị Minh Nga	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa Nhi
73	Dương Thị Hiền	Chính		-		-		-	6	90.000	90.000		Khoa Nhi
74	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa Nhi
75	Nguyễn Thị Tuyết	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa Nhi
76	Phan Thị Xuân	Chính		-		-		-	7	105.000	105.000		Khoa Nhi
77	Nguyễn Thị Hợp	Chính		-		-		-	7	105.000	105.000		Khoa Nhi
78	Vũ Anh Tuyến	Chính		-		-		-	3	45.000	45.000		Khoa Nhi
79	Đỗ Thị Lan Hương	Chính		-		-		-	3	45.000	45.000		Khoa Nhi
80	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Chính	3	252.000	8	300.000		-		-	552.000		Khoa Nhi
81	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Chính	1	84.000	10	375.000	1	19.500		-	478.500		Khoa Nhi
82	Ma Tường Huy	Chính	3	252.000	12	450.000		-		-	702.000		Khoa Nhi

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
83	Ngô Vinh Quang	Chính		-		-		-	3	45.000	45.000		Khoa Nhi
84	Ngô Thị Tuyết	Chính		-		-		-	6	90.000	90.000		Khoa Nhi
85	Chu Hồng Vũ	Chính		-		-		-	4	60.000	60.000		Khoa Nhi
86	Trần Thu Hà	Chính		-		-		-	3	45.000	45.000		Khoa Nhi
87	Viên Thị Tuyền	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa Nhi
88	Lương Thị Phúc	Chính		-		-		-	9	135.000	135.000		Khoa Nhi
89	Hoàng Thị Huế	Chính		-		-		-	2	30.000	30.000		Khoa Nhi
90	Đỗ Thị Diệp	Chính		-	15	562.500		-		-	562.500		Khoa Nhi
91	Trịnh Tiến Hùng	Chính		-		-		-	49	735.000	735.000		Khoa TM - NT
95	Nguyễn Văn Sang	Chính		-		-		-	38	570.000	570.000		Khoa TM - NT
93	Vũ Ngọc Quyết	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500	loại 1 tại phòng mổ	Khoa Ngoại tổng hợp
94	Đặng Cao Kỳ	Chính		-		-		-	12	180.000	180.000		Khoa Ngoại tổng hợp
95	Đỗ Trung Kiên	Chính		-	1	37.500		-	3	45.000	82.500		Khoa Ngoại tổng hợp
96	Bùi Ngọc Hân	Chính		-		-	1	19.500	128	1.920.000	1.939.500		Khoa Ngoại tổng hợp
97	Lộc Trần Thịnh	Chính		-		-		-	42	630.000	630.000		Khoa Ngoại tổng hợp
98	Bùi Qunang Thái	Chính		-	2	75.000		-	5	75.000	150.000	loại 1 tại phòng mổ	Khoa Ngoại tổng hợp
99	Mã Hồng Cầu	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500	loại 1 tại phòng mổ	Khoa Ung Bướu
100	Quan Thị Vên	Chính		-		-		-	124	1.860.000	1.860.000		Khoa Ung Bướu
101	Lê Văn Lợi	Chính		-	10	375.000	7	136.500		-	511.500		PK Ngoại - CTCH
102	Lê Văn Lợi	Chính		-	7	262.500	13	253.500	36	540.000	1.056.000		Khoa CTCH
103	Ngọc Thanh Phương	Chính	1	84.000	7	262.500	26	507.000	45	675.000	1.528.500		Khoa CTCH

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
104	Đào Thùy Dương	Chính	1	84.000		-	16	312.000	49	735.000	1.131.000		Khoa CTCH
105	Phạm Ngọc Nam	Chính		-		-	1	19.500	1	15.000	34.500		Khoa CTCH
106	Nguyễn Xuân Sơn	Chính		-	4	150.000		-	8	120.000	270.000		Khoa Cấp Cứu
107	Nguyễn Thị Minh Tâm	Chính		-		-	1	19.500	14	210.000	229.500		Khoa Cấp Cứu
108	Lê Ánh Hồng Phong	Chính		-	45	1.687.500	1	19.500	211	3.165.000	4.872.000		Khoa Cấp Cứu
109	Trần Văn Học	Chính	1	84.000	44	1.650.000	2	39.000	53	795.000	2.568.000		Khoa HSTC&CD
110	Trần Văn Hiếu	Chính		-	48	1.800.000	5	97.500	83	1.245.000	3.142.500		Khoa HSTC&CD
111	Tô Hữu Toại	Chính	5	420.000	42	1.575.000	4	78.000	60	900.000	2.973.000		Khoa HSTC&CD
112	Trần Văn Học	Chính		-	6	225.000	362	7.059.000		-	7.284.000		Khoa HSTC&CD - Thận nhân tạo
113	Trần Văn Hiếu	Chính		-	1	37.500	340	6.630.000		-	6.667.500		Khoa HSTC&CD - Thận nhân tạo
114	Hoàng Duy Dương	Chính		-		-	95	1.852.500		-	1.852.500		Khoa HSTC&CD - Thận nhân tạo
115	Hoàng Thị Liễu	Chính		-		-		-	323	4.845.000	4.845.000		Khoa PHCN
116	Hoàng Thị Thu	Chính		-		-		-	295	4.425.000	4.425.000		Khoa PHCN
117	Đoàn Thị Cúc	Chính		-		-		-	231	3.465.000	3.465.000		Khoa PHCN
118	Lê Thị Thủy	Chính		-		-		-	498	7.470.000	7.470.000		Khoa PHCN
119	Bùi Tuyết Trinh	Chính		-		-		-	291	4.365.000	4.365.000		Khoa PHCN
120	Lê Đình Thủy	Chính		-		-		-	208	3.120.000	3.120.000		Khoa PHCN
121	Đỗ Thị Thảo	Chính		-		-		-	279	4.185.000	4.185.000		Khoa PHCN
122	Mai Thị Khởi	Chính		-		-		-	473	7.095.000	7.095.000		Khoa PHCN
123	Ly Thị Chùm	Chính		-		-		-	418	6.270.000	6.270.000		Khoa PHCN
124	Vũ Thị Tiên	Chính		-		-		-	209	3.135.000	3.135.000		Khoa PHCN

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
125	Nguyễn Thị Duyên	Chính		-		-	571	11.134.500	158	2.370.000	13.504.500		Khoa YHCT
126	Dương Hồng Chuyên	Chính		-		-	271	5.284.500	144	2.160.000	7.444.500		Khoa YHCT
127	Nguyễn Thị Loan	Chính		-		-	150	2.925.000	93	1.395.000	4.320.000		Khoa YHCT
128	Tô Thị Thu Trang	Chính		-		-	208	4.056.000	99	1.485.000	5.541.000		Khoa YHCT
129	Bùi Thu Hà	Chính		-		-	346	6.747.000	178	2.670.000	9.417.000		Khoa YHCT
130	Trần Thị Tuyết	Chính		-		-	180	3.510.000	87	1.305.000	4.815.000		Khoa YHCT
131	Nguyễn Thị Giang	Chính		-		-	221	4.309.500	100	1.500.000	5.809.500		Khoa YHCT
132	Chu Thị Hương	Chính		-		-	161	3.139.500	106	1.590.000	4.729.500		Khoa YHCT
133	Phan Thị Vân Hồ	Chính		-		-	148	2.886.000	95	1.425.000	4.311.000		Khoa YHCT
134	Nguyễn Thùy Ninh	Chính		-		-		-	10	150.000	150.000		Khoa Truyền Nhiễm
	Tổng cộng		26	2.184.000	1.446	53.185.500	5.960	114.559.500	6.659	99.885.000	269.814.000		1

#VALUE!

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Giang, ngày 23 tháng 11 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		

**BẢNG THANH TOÁN PHỤ CẤP PHẪU THUẬT TẠI KHOA
THÁNG 10 NĂM 2017**

TT	Họ và tên	Cấp bậc Phẫu thuật chính	Mức phụ cấp theo quyết định 73/2011								Tổng tiền	Số tiền thực lĩnh	Khoa phòng
			Phẫu thuật Đặc biệt		Phẫu thuật loại I		Phẫu thuật loại II		Phẫu thuật loại III				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Tào Hồng Hải	Chính		-		-		-	1	50.000	50.000	50.000	Pk Răng Hàm Mặt
2	Trần Cao Quyền	Chính		-		-		-	23	1.150.000	1.150.000	1.150.000	Pk Răng Hàm Mặt
3	Trần Cao Quyền	Chính		-		-		-	8	400.000	400.000	400.000	Khoa Răng Hàm Mặt
	Cộng PT viên chính		-	-	-	-	-	-	32	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1
1	Đỗ Tân Điệp	Phụ		-		-		-	2	30.000	30.000	30.000	Pk Răng Hàm Mặt
2	Đinh Thị Phụng	Phụ		-		-		-	16	240.000	240.000	240.000	Pk Răng Hàm Mặt
3	Hoàng Thị Giang	Phụ		-		-		-	2	30.000	30.000	30.000	Pk Răng Hàm Mặt
4	Nguyễn Thị Niềm	Phụ		-		-		-	4	60.000	60.000	60.000	Pk Răng Hàm Mặt
5	Đinh Thị Phụng	Phụ		-		-		-	6	90.000	90.000	90.000	Khoa Răng Hàm Mặt
6	Lương Văn Hiệp	Phụ		-		-		-	2	30.000	30.000	30.000	Khoa Răng Hàm Mặt
	Cộng PT viên phụ		-	-	-	-	-	-	32	480.000	480.000	480.000	1
	Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	64	2.080.000	2.080.000	2.080.000	1

Tổng số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 23 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thi Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN PHỤ CẤP THỦ THUẬT (Tập 2)
THÁNG 10 NĂM 2017

TT	Tên khoa, phòng	Phẫu thuật tại khoa	Thủ thuật	Tổng số	Ghi chú
1	Khoa Nhi		8.371.500	8.371.500	
2	Khoa TM - NT		1.305.000	1.305.000	
3	Khoa Ngoại Tổng Hợp		3.019.500	3.019.500	
4	Khoa Ung Bướu		1.897.500	1.897.500	
5	PK Ngoại - CTCH		511.500	511.500	
6	Khoa CTCH		3.750.000	3.750.000	
7	Khoa Cấp Cứu		5.371.500	5.371.500	
8	Khoa HSTC&CD		8.683.500	8.683.500	
9	Khoa HSTC&CD - Thận nhân tạo		15.804.000	15.804.000	
10	Khoa PHCN		48.375.000	48.375.000	
11	Khoa YHCT		59.892.000	59.892.000	
12	Khoa Truyền Nhiễm		150.000	150.000	
	TỔNG	-	157.131.000	157.131.000	

#####

Ghi chú: Tập 1 : 114.763.000đ

Tập 2 : 157.131.000đ

Tổng cộng : 271.891.000đ

Hà Giang, ngày 23 tháng 11 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh